

Bản án số: 02/2024/HS-PT
Ngày 09-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Ông Vũ Quang Trung

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 167/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXPT-HS ngày 26 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Trần Duy K, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 171/2023/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Duy K, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1978 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số B P, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức H và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án: Tại Bản án số 15/HSST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; nhân thân (02 tiền án đã được xóa án tích): Tại Bản án số 57/HSST ngày 12/7/2012 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tại Bản án số 44/HSST ngày 16/5/2016 của Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tạm giữ từ ngày 16/4/2023, chuyển tạm giam từ ngày 21/4/2023; có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Tạ Thành L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số D L, phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 16/4/2023, Tạ Thành L gọi điện cho Vũ Xuân T1 để nhờ mua hộ 500.000 đồng ma túy đá và trả T1 100.000 đồng tiền công. T1 rủ Trần Duy K cùng đi mua ma túy cho L và mua ma túy để cả hai cùng sử dụng. K điều khiển xe mô tô BKS 16L – 8459 chở T1 đến khu vực ngã tư L, Lê Thánh T2 gặp L lấy 600.000 đồng. T1 bảo K chở đến khu vực đường E mới thuộc quận H. T1 xuống xe đi bộ, gặp một người đàn ông tên T3 (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) hỏi mua 500.000 đồng được 02 gói ma túy đá. Trường C vừa mua vào trong túi quần rồi đi ra gặp K bảo đã mua được rồi về thôi. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, K chở T1 đến điểm hẹn tại khu vực trước cổng Trường Trung học cơ sở L1 tại số A L, L, Ngô Q để đưa ma túy cho L. Tại đây, T1 đưa cho L 01 gói ma túy đá thì bị Công an Quận N phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên tay phải của L gói nylon kích thước 1,5 x 1,5 cm bên trong chứa tinh thể màu trắng (mẫu số 1); trong túi quần phía sau bên trái của T1 01 gói nylon kích thước khoảng 1,5 x 2 cm bên trong chứa tinh thể màu trắng (mẫu số 2), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám đã qua sử dụng và số tiền 100.000 đồng; thu giữ của K 01 xe mô tô BKS 16L7 – 8459; thu giữ của L 01 điện thoại N đã qua sử dụng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Xuân T1 và Trần Duy K không thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội.

Kết quả xét nghiệm nước tiểu ngày 17/4/2023 của Trần Duy K dương tính với M - Morphine/Heroin, của Tạ Thành L dương tính với Methamphetamine, của Vũ Xuân T1 dương tính với M.

Tại Kết luận giám định số 342/KL-KTHS(MT) ngày 19/4/2023 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận: Tinh thể màu trắng của mẫu số 1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,07 gam, là loại: Methamphetamine; tinh thể màu trắng của mẫu số 2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,24 gam, là loại Methamphetamine.

Tại Bản án sơ thẩm số 171/2023/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52, các điều 17, 38, 55, 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Bị cáo Trần Duy K 30 (ba mươi) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Tàng trữ trái

phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt bị cáo Trần Duy K phải chấp hành là 54 (năm mươi tư) tháng tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2023, bị cáo Trần Duy K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm vì bị oan, hình phạt quá nặng so với hành vi của bị cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo với mức án thấp hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới. Bị cáo K thay đổi toàn bộ lời khai tại giai đoạn điều tra, giữ nguyên lời khai như tại phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo khai quen biết T1 vì T1 là em của bạn bị cáo và giữa bị cáo với T1 không có mâu thuẫn gì. Bị cáo cho rằng bị oan vì không biết hành vi mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy của T1 và khai tại giai đoạn điều tra bị cán bộ điều tra ép nhận tội. Bị cáo cho rằng mình không có tội.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo: Bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thay đổi lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, trình bày do bị ép nhận tội nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Xét thấy hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Duy K đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo và bị cáo T1 không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo trình bày về hành vi ép bị cáo nhận tội của

Điều tra viên nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh cũng không trình báo, khiếu nại tại giai đoạn điều tra, truy tố. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giai đoạn điều tra lời khai của bị cáo K và lời khai của bị cáo T1 phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo T1 tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang được lập vào hồi 19 giờ 30 phút ngày 16/4/2023, phù hợp với nội dung kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Chỉ có lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm là giống nhau và khác hoàn toàn lời khai tại giai đoạn điều tra. Bị cáo K khai lời khai tại phiên tòa khác vì tại giai đoạn điều tra bị cáo bị ép nhận tội nhưng không có chứng cứ chứng minh; bị cáo không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền, không trình báo khi Kiểm sát viên tham gia lấy lời khai cùng Điều tra viên và không trình báo Trại tạm giam. Bị cáo cũng xác nhận không có mâu thuẫn với bị cáo T1. Bị cáo thừa nhận tự viết và ký vào các bản tự khai, ký vào biên bản biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can. Như vậy, lời khai của bị cáo K tại phiên tòa là không đúng, bị cáo loay hoay chối tội. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 16/4/2023, các bị cáo Vũ Xuân T1 và Trần Duy K đã mua hộ cho Tạ Thành L 0,07 gam ma túy Methamphetamine để bị cáo T1 được trả công 100.000 đồng và bị cáo K hưởng lợi được sử dụng ma túy. Đồng thời các bị cáo còn cất giấu bất hợp pháp 0,24 gam Methamphetemine trên người nhằm mục đích cùng nhau sử dụng. Các bị cáo Vũ Xuân T1, Trần Duy K đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Trần Duy K, Vũ Xuân T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Bị cáo K có 01 tiền án chưa được xóa nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo Trần Duy K thay đổi toàn bộ lời khai và không thành khẩn khai báo, không nhận tội gây khó khăn cho công tác xét xử. Do đó, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về vai trò của các bị cáo:

[6] Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, bị cáo T1 là người khởi xướng, rủ rê bị cáo K cùng thực hiện tội phạm; trực tiếp liên hệ mua và cất giấu ma túy, liên hệ người để bán ma túy nên bị cáo T1 có vai trò chính. Bị cáo K tuy vai trò thứ yếu nhưng nhân thân đã có 02 tiền án đã được xóa, 01 tiền án chưa được xóa, phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” và tại phiên tòa sơ thẩm thay đổi lời khai, không thành khẩn khai báo gây khó khăn cho công tác xét xử. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm xét xử 02 bị cáo mức án ngang nhau là phù hợp.

[7] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới là căn cứ để giảm nhẹ hình phạt. Hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, bị cáo Trần Duy K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Duy K, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trần Duy K.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52, các điều 17, 38, 55, 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Trần Duy K 30 (ba mươi) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Duy K phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 54 (năm mươi tư)

tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ 16 tháng 4 năm 2023.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Duy K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 171/2023/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu

